

Chi tiết mã HS 8545.20.00

Mã HS	8545.20.00
Mô tả hàng hóa	Điện cực than, chổi than, carbon cho chế tạo bóng đèn, carbon cho chế tạo pin, ắc qui và các sản phẩm khác làm bằng graphit hoặc carbon khác, có hoặc không có thành phần kim loại, dùng cho kỹ thuật điện / - Chổi than
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	30/10/2026 17:22:48
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 - BIEU THUẾ XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85452000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16119
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16119
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16119
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) - 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15467
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15396
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15396
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15396
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15396
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15396
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15396
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15452
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15452

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15452
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15452
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15452
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15452
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15453
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15453
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15453
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15453
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15453
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15453
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15454
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15402
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15410
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15410
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15410
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15410
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15410
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15410
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15450
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15450
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15450
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15450
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15450
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15450
VCFTA	2022	2022	5	VC!D15512
VCFTA	2023	2023	5	VC!E15512

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15512
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15512
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15512
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15512
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15486
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15486
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15486
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15486
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15486
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15486
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15489
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15489
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15489
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15489
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15489
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15489
EVFTA	2022	2022	2,5	EV-NK!D15495
EVFTA	2023	2023	1,6	EV-NK!E15495
EVFTA	2024	2024	0,8	EV-NK!F15495
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15495
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15495
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15495
UKVFTA	2022	2022	2,5	UKV!D15494
UKVFTA	2023	2023	1,6	UKV!E15494
UKVFTA	2024	2024	0,8	UKV!F15494
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15494

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15494
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15494
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15483
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15483
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15483
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15483
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15483
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15483
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15483
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15477
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15477
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15477
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15477
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15477
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15477
RCEP B	2022	2022	0	B!D15477
RCEP B	2023	2023	0	B!E15477
RCEP B	2024	2024	0	B!F15477
RCEP B	2025	2025	0	B!G15477
RCEP B	2026	2026	0	B!H15477
RCEP B	2027	2027	0	B!I15477
RCEP C	2022	2022	0	C!D15477
RCEP C	2023	2023	0	C!E15477
RCEP C	2024	2024	0	C!F15477
RCEP C	2025	2025	0	C!G15477
RCEP C	2026	2026	0	C!H15477

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15477
RCEP D	2022	2022	0	D!D15476
RCEP D	2023	2023	0	D!E15476
RCEP D	2024	2024	0	D!F15476
RCEP D	2025	2025	0	D!G15476
RCEP D	2026	2026	0	D!H15476
RCEP D	2027	2027	0	D!I15476
RCEP E	2022	2022	0	E!D15480
RCEP E	2023	2023	0	E!E15480
RCEP E	2024	2024	0	E!F15480
RCEP E	2025	2025	0	E!G15480
RCEP E	2026	2026	0	E!H15480
RCEP E	2027	2027	0	E!I15480
RCEP F	2022	2022	0	F!D15477
RCEP F	2023	2023	0	F!E15477
RCEP F	2024	2024	0	F!F15477
RCEP F	2025	2025	0	F!G15477
RCEP F	2026	2026	0	F!H15477
RCEP F	2027	2027	0	F!I15477
VIFTA	2024	2024	3.3	VI!F14440
VIFTA	2025	2025	1.7	VI!G14440
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14440
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14440

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8545.20.00 có mã Chương 98 tương ứng 9818.33.00 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- Chối than	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8545.20.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 8545.20.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16119), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.